

CHÍNH SÁCH THUẾ, QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

Khánh Hòa, tháng 12 năm 2021

NỘI DUNG

I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo Thông tư 40.

II. Chính sách về lệ phí môn bài.

III. Miễn thuế theo Nghị quyết 406 đối với HKD, CNKD.

IV. Áp dụng HĐĐT đối với HKD, CNKD theo Thông tư 78.

V. Chế độ kế toán HKD, CNKD theo Thông tư 88



Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

1. Căn cứ pháp lý và văn bản hướng dẫn

- Luật quản lý thuế số 38
- NĐ số 126 hướng dẫn luật quản lý thuế
- TT số 40 hướng dẫn về CST, QLT đối với HKD, CNKD
- CV số 2626 hướng dẫn điểm mới của TT số 40

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

2. Nội dung chính của TT 40

- Phạm vi điều chỉnh
- Đối tượng áp dụng
- Nguyên tắc tính thuế
- Phương pháp tính thuế
- Căn cứ tính thuế
- Quản lý thuế
- Trách nhiệm của cơ quan thuế
- Tổ chức thực hiện
- Biểu thuế
- Danh mục mẫu biểu

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

3. Phạm vi điều chỉnh

TT 40 hướng dẫn về thuế GTGT, thuế TNCN và quản lý thuế đối với HKD, CNKD, không bao gồm các quy định và hướng dẫn thuế các sắc thuế khác và lệ phí môn bài.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

4. Đối tượng áp dụng

HKD, CNKD là đối tượng Chịu thuế có hoạt động SXKD HH, DV thuộc tất cả các lĩnh vực, ngành nghề theo quy định của pháp luật, bao gồm cả trường hợp:

- Hành nghề độc lập theo quy định của pháp luật.
- SX, KD nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản không đáp ứng điều kiện được miễn thuế.
- Đại lý bán đúng giá đối với XS, BH, ĐC.
- TMĐT bao gồm cả trường hợp có thu nhập từ sản phẩm, dịch vụ nội dung thông tin số.
- Cá nhân hợp tác kinh doanh với tổ chức.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

4. Đối tượng áp dụng

- HKD, CNKD tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu trên lãnh thổ Việt nam (bao gồm cả CT và không CT).
- Cá nhân cho thuê TS (bao gồm cả CT và không CT).
- Cá nhân chuyển nhượng tên miền internet quốc gia Việt nam “.vn” (bao gồm cả CT và không CT).
- Tổ chức hợp tác kinh doanh với các nhân (tổ chức hoạt động theo pháp luật VN).
- Tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân (tổ chức hoạt động theo pháp luật VN).
- DN xổ số, bảo hiểm, đa cấp (DN hoạt động theo pháp luật VN).
- CQT, CQ nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

5. Nguyên tắc tính thuế

- Theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế GTGT và thuế TNCN.
- HKD, CNKD có doanh thu từ 100 triệu đồng/năm trở xuống không phải nộp thuế GTGT, thuế TNCN.
- HKD, CNK có trách nhiệm khai thuế chính xác, trung thực, đầy đủ và nộp hồ sơ khai thuế đúng hạn.
- HKD, CNKD chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ thuế theo quy định.
- HKD, CNKD theo hình thức nhóm thì mức DT 100 triệu được xác định theo 01 người đại diện duy nhất của nhóm.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

5. Nguyên tắc tính thuế

- Phương pháp kê khai
- Phương pháp từng lần phát sinh
- Phương pháp khoán
- Phương pháp tính thuế thông qua tổ chức khai thay, nộp thay
- Phương pháp đặc thù khác (cho thuê TS, đại lý đúng giá)

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

6. Phương pháp tính thuế

6.1. Phương pháp kê khai

- Áp dụng đối với HKD, CNKD quy mô lớn (k5 DD51 Luật 38); hoặc chưa đáp ứng quy mô lớn nhưng lựa chọn nộp thuế theo phương pháp kê khai.
- HKK khai thuế theo tháng trừ trường hợp đáp ứng tiêu chí khai thuế theo quý (Đ9 NĐ126) và lựa chọn khai thuế theo quý.
- HKK khai thuế không phù hợp thực tế thì CQT ấn định thuế theo Đ50 Luật 38 (ấn định theo từng yếu tố tương tự DN).
- HKK phải thực hiện CĐKT, hóa đơn, chứng từ. Trường hợp trong lĩnh vực, ngành nghề xác định được DT theo xác nhận của cơ quan chức năng thì không phải thực hiện CĐKT.
- HKK không phải quyết toán thuế.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

6. Phương pháp tính thuế

6.2. Phương pháp từng lần phát sinh

Áp dụng đối với CNKD không thường xuyên và không có địa điểm cố định. Địa điểm được xác định theo địa chỉ vật lý. Việc kinh doanh không thường xuyên do CNKD tự xác định để lựa chọn phương pháp tính thuế phù hợp với hoạt động SXKD của mình. Bao gồm:

- CNKD lưu động
- Cá nhân là chủ thầu xây dựng tư nhân
- Cá nhân chuyển nhượng tên miền internet quốc gia Việt nam “.vn”
- Cá nhân có thu nhập từ sản phẩm, dịch vụ nội dung thông tin số nếu không lựa chọn nộp thuế theo phương pháp kê khai.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

6. Phương pháp tính thuế

6.2. Phương pháp từng lần phát sinh

- Cá nhân khai thuế theo từng lần phát sinh không bắt buộc phải thực hiện CĐKT nhưng phải lưu trữ hóa đơn, chứng từ, hợp đồng, hồ sơ chứng minh hàng hóa, dịch vụ là hợp pháp và có trách nhiệm xuất trình kèm theo hồ sơ khai thuế theo từng lần phát sinh.
- Cá nhân thực hiện khai thuế từng lần khi phát sinh doanh thu chịu thuế.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

6. Phương pháp tính thuế

6.3. Phương pháp khoán

- Áp dụng đối với trường hợp không đáp ứng là HKK và không đáp ứng khai thuế theo từng lần phát sinh.
- Hộ khoán không phải thực hiện CKĐT.
- Hộ khoán nếu có yêu cầu sử dụng hóa đơn do CQT cấp theo từng lần phát sinh thì phải lưu trữ và xuất trình cho CQT các hóa đơn, chứng từ, hợp đồng, hồ sơ chứng minh hàng hóa, dịch vụ là hợp pháp khi đề nghị CQT cấp hóa đơn theo từng lần phát sinh.
- Hộ khoán tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu trên lãnh thổ Việt Nam mặc dù không phải thực hiện CKĐT nhưng phải lưu trữ hóa đơn, chứng từ, hợp đồng, hồ sơ chứng minh hàng hóa là hợp pháp và xuất trình khi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD

theo TT 40

6. Phương pháp tính thuế

6.3. Phương pháp khoán

- Hộ khoán kinh doanh không trọn năm (không đủ 12 tháng trong năm dương lịch bao gồm: mới ra kinh doanh, kinh doanh thường xuyên theo thời vụ, ngừng kinh doanh, tạm ngừng kinh doanh) thì mức DT 100 triệu được xác định theo 12 tháng và nộp thuế theo tháng có thực tế kinh doanh. (nội dung này đang lấy ý kiến để sửa đổi, bổ sung TT 40).
- Hộ khoán khai thuế theo năm, nộp thuế theo thông báo của CQT (theo mẫu TT tại NĐ 126 thì thời hạn nộp thuế là theo tháng, đối với năm 2021 đang áp dụng mẫu thông báo theo TT 92 thì thời hạn nộp thuế là theo quý).
- Đối với Hộ khoán đề nghị CQT cấp hóa đơn theo từng lần phát sinh thì phải khai và nộp thuế riêng đối với doanh thu phát sinh trên hóa đơn theo từng lần phát sinh.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD

theo TT 40

6. Phương pháp tính thuế

6.4. Phương pháp tính thuế thông qua tổ chức, cá nhân khai thay, nộp

- áp dụng cho các trường hợp sau:

- Tổ chức thuê TS của cá nhân mà trong hợp đồng thuê có thỏa thuận bên đi thuê là người nộp thuế.
- Tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân.
- Tổ chức chi trả các khoản thưởng, hỗ trợ đạt doanh số, khuyến mại, chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, chi hỗ trợ bằng tiền hoặc không bằng tiền, các khoản bồi thường vi phạm hợp đồng, bồi thường khác cho hộ khoán.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

6. Phương pháp tính thuế

6.4. Phương pháp tính thuế thông qua tổ chức, cá nhân khai thay, nộp

- **thay** Nội dung cho các trường hợp sau:

- Tổ chức tại Việt Nam là đối tác của các nhà cung cấp nền tảng số ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam thực hiện chi trả thu nhập cho cá nhân theo thỏa thuận với nhà cung cấp nền tảng số ở nước ngoài.
- Tổ chức là chủ sở hữu sàn giao dịch TMĐT khai thay, nộp thay cho cá nhân theo lộ trình của cơ quan thuế. Trong thời gian chưa khai thuế thay, nộp thuế thay thì có trách nhiệm cung cấp thông tin cho cơ quan thuế. (Nội dung này đang lấy ý kiến để sửa đổi, bổ sung TT 40).
- Tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay theo ủy quyền của pháp luật dân sự.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

6. Phương pháp tính thuế

6.4. Phương pháp tính thuế thông qua tổ chức, cá nhân khai thay, nộp thay

- Tổ chức thuê TS khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân có TS cho thuê theo tháng/quý/kỳ thanh toán/năm đối với cá nhân.
- Tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân theo ủy quyền của pháp luật dân sự thì thực hiện khai theo quy định đối với cá nhân.
- Tổ chức chia thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân trong các trường hợp khác thì khai thuế theo tháng hoặc quý theo quy định về khai thuế đối với tổ chức đó theo quy định của Luật QLT.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

6. Phương pháp tính thuế

6.4. Phương pháp tính thuế thông qua tổ chức, cá nhân khai thay, nộp

- thay nguyên tắc xác định 100 triệu đối với tổ chức, cá nhân khi thực hiện khai thay, nộp thay cho cá nhân như sau:

Căn cứ thực tế chi trả tại đơn vị từ 100 triệu đồng trở xuống thì không khấu trừ thuế trừ trường hợp: (1) cá nhân có ủy quyền để tổ chức, cá nhân khấu trừ do cá nhân có thu nhập tại nhiều nơi tổng cộng trên 100 triệu đồng/năm và cá nhân không muốn phải trực tiếp khai thuế với CQT theo quy định; (2) chi trả thưởng, hỗ trợ đạt doanh số, khuyến mại, chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, chi hỗ trợ bằng tiền hoặc không bằng tiền, bồi thường vi phạm hợp đồng, bồi thường khác cho hộ khoán thì tổ chức, cá nhân chi trả thực hiện khai thay, nộp thay theo thực tế chi trả; (3) khai thay cho cá nhân cho thuê TS thì mức 100 triệu thực hiện theo hướng dẫn tại điểm c, khoản 1 Điều 9 TT 40.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

6. Phương pháp tính thuế

6.5. Phương pháp tính thuế đối với trường hợp đặc thù

6.5.1. Phương pháp tính thuế đối với cá nhân cho thuê TS

● Cho thuê tài sản bao gồm:

- Cho thuê nhà, mặt bằng, cửa hàng, nhà xưởng, kho bãi không bao gồm dịch vụ lưu trú.
- Cho thuê phương tiện vận tải, máy móc thiết bị không kèm theo người điều khiển.
- Cho thuê tài sản khác không kèm theo dịch vụ.
Dịch vụ lưu trú theo hướng dẫn này gồm: cung cấp cơ sở lưu trú ngắn hạn cho khách du lịch, khách vắng lai khác; cung cấp cơ sở lưu trú dài hạn không phải là căn hộ cho sinh viên, công nhân và những đối tượng tương tự; cung cấp cơ sở lưu trú cùng dịch vụ ăn uống hoặc phương tiện giải trí.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

6. Phương pháp tính thuế

6.5. Phương pháp tính thuế đối với trường hợp đặc thù

6.5.1. Phương pháp tính thuế đối với cá nhân cho thuê TS

- Cá nhân cho thuê tài sản khai thuế theo từng lần phát sinh kỳ thanh toán hoặc khai thuế theo năm dương lịch. Từng lần phát sinh kỳ thanh toán được xác định theo thời điểm bắt đầu thời hạn cho thuê của từng kỳ thanh toán.
- Cá nhân khai thuế theo từng hợp đồng hoặc khai thuế cho nhiều hợp đồng trên 01 tờ khai nếu tài sản cho thuê trên cùng địa bàn có cùng cơ quan thuế quản lý.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

6. Phương pháp tính thuế

6.5. Phương pháp tính thuế đối với trường hợp đặc thù

6.5.1. Phương pháp tính thuế đối với cá nhân cho thuê TS

- Trường hợp không phát sinh doanh thu đủ 12 tháng trong năm dương lịch (bao gồm cả trường hợp có nhiều hợp đồng cho thuê) thì mức doanh thu 100 triệu đồng để xác định cá nhân không phải nộp thuế là doanh thu của 12 tháng, doanh thu để xác định số thuế phải nộp là doanh thực tế phát sinh của các tháng trong năm. (nội dung này đang được lấy ý kiến để sửa đổi, bổ sung TT 40)
- Trường hợp trả tiền trước cho nhiều năm thì cá nhân khai thuế, nộp thuế một lần đối với toàn bộ doanh thu trả tiền trước. Số thuế phải nộp một lần là tổng số thuế phải nộp tính theo từng năm.
- Trường hợp sau khi đã nộp thuế nếu có thay đổi về hợp đồng thuế làm thay đổi số thuế phải nộp thì khai điều chỉnh, bổ sung cho kỳ tính thuế có thay đổi.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

6. Phương pháp tính thuế

6.5. Phương pháp tính thuế đối với trường hợp đặc thù

6.5.2. Cá nhân trực tiếp ký hợp đồng làm đại lý xổ số, bảo hiểm, đa cấp

- Cá nhân trực tiếp ký hợp đồng với doanh nghiệp xổ số, bảo hiểm, đa cấp không trực tiếp khai thuế, trừ trường hợp khai thuế theo năm hướng dẫn tại điểm d, khoản 2, Điều 9.
- Doanh nghiệp xổ số, BH, đa cấp có trách nhiệm khấu trừ, khai thuế và nộp thuế TNCN cho cá nhân nếu xác định số tiền hoa hồng trả cho cá nhân trên 100 triệu đồng/năm; hoặc cá nhân có ủy quyền trong trường hợp khoản chi trả tại đơn vị từ 100 triệu đồng trở xuống.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

6. Phương pháp tính thuế

6.5. Phương pháp tính thuế đối với trường hợp đặc thù

6.5.2. Cá nhân trực tiếp ký hợp đồng làm đại lý xổ số, bảo hiểm, đa cấp

- Doanh nghiệp xổ số, bảo hiểm, đa cấp khai thuế TNCN theo tháng hoặc quý theo quy định về kỳ khai thuế đối với doanh nghiệp tại ND 126.; và không phải khai quyết toán thuế TNCN đối với khoản chi trả cho cá nhân làm đại lý xổ số, bảo hiểm, đa cấp.
- Trường hợp trong năm doanh nghiệp chưa khấu trừ thuế do có doanh thu từ 100 triệu đồng trở xuống và cá nhân không ủy quyền khai thuế trong năm thì đến cuối năm nếu xác định doanh thu trên 1 triệu đồng thì cá nhân trực tiếp khai thuế với cơ quan thuế theo tờ khai thuế năm.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

7. Căn cứ tính thuế

- Căn cứ tính thuế là doanh thu tính thuế và tỷ lệ tính thuế trên doanh thu
- Doanh thu tính thuế là doanh thu bao gồm thuế (trường hợp thuộc diện chịu thuế) của toàn bộ tiền bán hàng hóa, tiền gia công, tiền hoa hồng, tiền cung ứng dịch vụ phát sinh trong kỳ, bao gồm cả các khoản thưởng, hỗ trợ đạt doanh số, khuyến mại, chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, chi hỗ trợ bằng tiền hoặc không bằng tiền; các khoản trợ giá, phụ thu, phụ trội, phí thu thêm được hưởng theo quy định; các khoản bồi thường vi phạm hợp đồng, bồi thường khác (chỉ tính thuế TNCN); doanh thu khác không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

8. Quản lý thuế đối với HKD, CNK theo TT40

- Quản lý thuế đối với HKK.
- Quản lý thuế đối với CNKD khai thuế từng lần phát sinh.
- Quản lý thuế đối với Hộ khoán.
- Quản lý thuế đối với cá nhân cho thuê tài sản trực tiếp khai thuế với CQT
- Quản lý thuế đối với cá nhân là đại lý XS, BH, ĐC và cá nhân có hoạt động kinh doanh khác.
- Quản lý thuế đối với tổ chức, cá nhân khai thay, nộp thay.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

8. Quản lý thuế đối với HKD, CNK theo TT40

8.1. Quản lý thuế đối với HKK

● Hồ sơ khai thuế bao gồm:

- TK mẫu số 01/CNKD
- Phụ lục bảng kê hoạt động kinh doanh mẫu số 01-2/BK-HĐKD (trường hợp HKK thuộc lĩnh vực, ngành nghề có căn cứ xác định được doanh thu theo xác nhận của cơ quan chức năng thì không phải nộp phụ lục này).

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

8. Quản lý thuế đối với HKD, CNK theo TT40

8.1. Quản lý thuế đối với HKK

- Nơi nộp hồ sơ khai thuế:

HKK nộp hồ sơ khai thuế tại CCT quản lý trực tiếp nơi HKK có trụ sở hoạt động.

- Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế:

HKK nộp thuế theo tháng thì thời hạn chậm nhất là ngày thứ 20 của tháng tiếp theo; nộp thuế theo quý thì thời hạn chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng đầu quý tiếp theo.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

8. Quản lý thuế đối với HKD, CNK theo TT40

8.1. Quản lý thuế đối với HKK

- Thời hạn nộp thuế:

Thời hạn nộp thuế là thời hạn khai thuế. Trường hợp khai điều chỉnh, bổ sung thì thời hạn nộp thuế là thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai sót.

- Khai thuế trong trường hợp tạm ngừng hoạt động: HKK tạm ngừng hoạt động thì không phải khai thuế trừ trường hợp tạm ngừng hoạt động không trọn tháng nếu khai thuế theo tháng hoặc tạm ngừng hoạt động không trọn quý nếu khai thuế theo quý.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

8. Quản lý thuế đối với HKD, CNK theo TT40

8.2. Quản lý thuế đối với CNKD khai thuế theo từng lần phát sinh

- Hồ sơ khai thuế

- TK mẫu số 01/CNKD
- Các tài liệu chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ:
 - ✓ Bản sao hợp đồng kinh tế
 - ✓ Bản sao biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng
 - ✓ Bản sao tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hóa (bảng kê đối với nông sản mua của người trực tiếp sản xuất trong nước; bảng kê mua bán, trao đổi của cư dân biên giới; hóa đơn của người bán; tài liệu chứng minh nếu hàng hóa tự sản xuất; ...)
CQT có quyền yêu cầu xuất trình bản chính để đối chiếu.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

8. Quản lý thuế đối với HKD, CNK theo TT40

8.2. Quản lý thuế đối với CNKD khai thuế theo từng lần phát sinh

- Nơi nộp hồ sơ khai thuế

- Đối với cá nhân kinh doanh lưu động: CCT nơi cá nhân hoạt động kinh doanh.
- Đối với cá nhân phát sinh thu nhập từ sản phẩm, dịch vụ nội dung thông tin số: CCT nơi cá nhân cư trú.
- Đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng tên miền internet: CCT nơi cá nhân cư trú. Trường hợp là cá nhân không cư trú thì nộp hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp tổ chức quản lý tên miền internet quốc gia Việt Nam “.vn”.
- Đối với cá nhân là chủ thầu xây dựng tư nhân: CCT nơi tiến hành hoạt động xây dựng.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

8. Quản lý thuế đối với HKD, CNK theo TT40

8.2. Quản lý thuế đối với CNKD khai thuế theo từng lần phát sinh

- Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế: chậm nhất là ngày thứ 10 kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thuế.
- Thời hạn nộp thuế: là thời hạn khai thuế. Trường hợp khai bổ sung thì thời hạn nộp thuế là thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai sót.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

8. Quản lý thuế đối với HKD, CNK theo TT40

8.3. Quản lý thuế đối với Hộ Khoán

- Căn cứ xác định thuế khoán
- Hồ sơ khai thuế
- Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế
- Xác định doanh thu và mức thuế khoán
- Niêm yết công khai lần I
- Tham vấn ý kiến HĐTVT
- Gửi thông báo thuế
- Thời hạn nộp thuế

8.3.1. Căn cứ xác định thuế khoán

- Hồ sơ khai thuế do Hộ khoán tự kê khai
- CSDL của ngành thuế
- Ý kiến tham vấn của HĐTVT
- Ý kiến phản hồi từ việc công khai thông tin

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

8. Quản lý thuế đối với HKD, CNK theo TT40

8.3.2. Hồ sơ khai thuế

- Từ ngày 20/11 đến ngày 5/12 cơ quan thuế phát TK thuế mẫu số 01/CNKD cho toàn bộ hộ khoán để thực hiện việc khai thuế khoán cho cả năm.
- Đối với hộ khoán có yêu cầu cơ quan thuế cấp hóa đơn theo từng lần phát sinh thì hồ sơ khai thuế theo từng lần phát sinh hóa đơn là TK thuế mẫu số 01/CNKD kèm theo các tài liệu sau:
 - Bản sao hợp đồng kinh tế cung cấp hàng hóa, dịch vụ cùng ngành nghề của hộ khoán.
 - Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.
 - Bản sao tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hóa, dịch vụ (bảng kê đối với nông sản mua của người trực tiếp sản xuất trong nước; bảng kê mua bán, trao đổi của cư dân biên giới; hóa đơn của người bán; tài liệu chứng minh nếu hàng hóa tự sản xuất; ...).
- CQT có quyền yêu cầu xuất trình bản chính để đối chiếu.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

8. Quản lý thuế đối với HKD, CNK theo TT40

8.3.3. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với hộ khoán

- Đối với hồ sơ khai thuế khoán đầu năm: chậm nhất là ngày 15/12.
- Đối với hộ khoán mới ra kinh doanh, HKK chuyển đổi sang phương pháp khoán, Hộ khoán chuyển đổi sang phương pháp kê khai, hộ khoán thay đổi ngành nghề, hộ khoán thay đổi quy mô kinh doanh trong năm: chậm nhất là ngày thứ 10 kể từ ngày bắt đầu kinh doanh/chuyển đổi phương pháp tính thuế/thay đổi ngành nghề/thay đổi quy mô.
- Đối với hộ khoán có yêu cầu cơ quan thuế cấp hóa đơn theo từng lần phát sinh: chậm nhất là ngày thứ 10 kể từ ngày phát sinh doanh yêu cầu sử dụng hóa đơn.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

8. Quản lý thuế đối với HKD, CNK theo TT40

8.3.4. Xác định doanh thu và mức thuế khoán:

a) Xác định doanh thu và mức thuế khoán:

- Doanh thu và mức thuế khoán được xác định theo năm dương lịch hoặc theo tháng đối với hoạt động kinh doanh theo thời vụ và ổn định trong một năm.
- Hộ khoán từ xác doanh thu khoán trên tờ khai thuế.
- Trường hợp Hộ khoán không xác định được doanh thu hoặc không nộp tờ khai khoán hoặc doanh thu xác định không phù hợp thì cơ quan thuế ấn định doanh thu và mức thuế khoán theo quy định tại Điều 51 Luật QLT số 38.
- Căn cứ hồ sơ khai thuế khoán, CSDL đầu năm để CCT lập dự kiến doanh thu và mức thuế khoán để công khai lần 1 và lấy ý kiến tham vấn của HĐTV thuế. Đồng thời CT cũng căn cứ doanh thu và mức thuế dự kiến của từ CCT để làm căn cứ chỉ đạo, rà soát việc lập Sổ bộ thuế tại từng Chi cục thuế.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

8. Quản lý thuế đối với HKD, CNK theo TT40

8.3.4. Xác định doanh thu và mức thuế khoán:

b) Điều chỉnh doanh thu và mức thuế khoán

- Các trường hợp CQT thực hiện điều chỉnh mức thuế khoán: hộ khoán có thay đổi ngành nghề, quy mô kinh doanh; ngừng, tạm ngừng kinh doanh.
- Hộ khoán khi có thay đổi ngành nghề, quy mô kinh doanh; ngừng, tạm ngừng kinh doanh phải khai báo với cơ quan thuế để làm căn cứ điều chỉnh mức thuế khoán trừ trường hợp hộ khoán ngừng, tạm ngừng kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD

theo TT 40

8. Quản lý thuế đối với HKD, CNK theo TT40

8.3.4. Xác định doanh thu và mức thuế khoán:

- b.1) Hộ khoán thay đổi quy mô (diện tích, lao động, doanh thu): Hộ khoán phải khai điều chỉnh, bổ sung tờ khai từ đầu năm. Trường hợp doanh thu thay đổi từ 50% trở lên thì CQT ban hành thông báo điều chỉnh kể từ thời điểm có thay đổi. Trường hợp không đáp ứng điều kiện để được điều chỉnh doanh thu và mức thuế khoán thì CQT ban hành Thông báo về việc không điều chỉnh doanh thu và mức thuế.
- b.2) Hộ khoán thay đổi địa điểm: Hộ khoán phải thực hiện các thủ tục về thay đổi thông tin đăng ký thuế theo quy định và khai thuế tại CQT nơi chuyển đến như hộ mới ra kinh doanh. CQT nơi chuyển đi ban hành thông báo điều chỉnh doanh thu và mức thuế đã khoán tại địa bàn kể từ tháng chuyển đi. Trường hợp thời điểm chuyển đi là trong tháng thì thực hiện việc điều chỉnh theo hướng dẫn đối với hộ ngừng, tạm ngừng kinh doanh không trọn tháng.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD

Quản lý thuế đối với HKD, CNK theo TT40

8.3.4. Xác định doanh thu và mức thuế khoán:

- b.3) Hộ khoán thay đổi ngành nghề, lĩnh vực: Hộ khoán phải thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế theo quy định, đồng thời khai điều chỉnh bổ sung tờ khai thuế. CQT ban hành thông báo thuế nếu có điều chỉnh về doanh thu và mức thuế.
- b.4) Hộ khoán ngừng, tạm ngừng kinh doanh: Hộ khoán phải thông báo đến CQT về việc ngừng, tạm ngừng kinh doanh. CQT ban hành thông báo thuế sau khi điều chỉnh doanh thu và mức thuế khoán. Cụ thể việc điều chỉnh doanh thu và mức thuế khoán như sau:
 - Đối với hộ khoán ngừng kinh doanh:
 - Nếu ngừng kinh doanh từ ngày đầu tiên của tháng thì điều chỉnh giảm 100% số thuế khoán phải nộp của tháng đó và các tháng tiếp theo.
 - Nếu ngừng kinh doanh tại bất cứ ngày nào từ ngày 02 đến ngày 15 của tháng thì điều chỉnh giảm 50% số thuế khoán phải nộp của tháng đó và 100% số thuế khoán phải nộp của các tháng tiếp theo.
 - Nếu ngừng kinh doanh tại bất cứ ngày nào từ ngày 16 trở đi thì không điều chỉnh giảm thuế khoán phải nộp của tháng đó, chỉ điều chỉnh giảm 100% số thuế khoán phải nộp của các tháng tiếp theo.
 - Đối với hộ khoán tạm ngừng kinh doanh: nếu hộ khoán tạm ngừng kinh doanh trọn tháng thì điều chỉnh giảm 100% số thuế khoán phải nộp của tháng đó, nếu tạm ngừng kinh doanh từ 15 ngày liên tục trở lên thì điều chỉnh giảm 50% số thuế khoán phải nộp của tháng đó.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

8. Quản lý thuế đối với HKD, CNK theo TT40

8.3.4. Xác định doanh thu và mức thuế khoán:

- b.5) Đối với hộ khoán ngừng hoặc tạm ngừng kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền thì cơ quan thuế căn cứ yêu cầu ngừng hoặc tạm ngừng kinh doanh để điều chỉnh doanh thu và mức thuế khoán theo thực tế.
- b.6) Hộ khoán chuyển đổi sang phương pháp kê khai: hộ khoán phải khai điều chỉnh bổ sung hồ sơ khai thuế để CQT làm căn cứ điều chỉnh mức thuế khoán phải nộp kể từ thời điểm chuyển đổi sang kê khai. Trường hợp thời điểm chuyển đổi sang kê khai là trong tháng thì CQT thực hiện việc điều chỉnh thuế khoán theo hướng dẫn đối với hộ ngừng, tạm ngừng kinh doanh không trọn tháng.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

8. Quản lý thuế đối với HKD, CNK theo TT40

8.3.5. Công khai lần 1

- Việc công khai lần 1 là để tham khảo ý kiến về doanh thu và mức thuế khoán dự kiến.
- Tài liệu công khai lần 1 bao gồm: danh sách hộ phải nộp thuế và danh sách hộ không phải nộp thuế.
- Thời gian công khai lần 1: chậm nhất là từ 20/12 năm trước năm tính thuế, việc công khai và tiếp nhận ý kiến phản hồi là từ ngày CQT công khai đến hết ngày 31/12 năm trước năm tính thuế.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD

theo TT 40

8. Quản lý thuế đối với HKD, CNK theo TT40

8.3.5. Công khai lần 1

Hình thức công khai lần 1:

Niêm yết tại bộ phận một cửa của CCT; UBND quận, huyện; UBND xã, phường, thị trấn; trụ sở đội thuế; Ban QL chợ.

Gửi tại liệu công khai lần 1 đến Hộ đồng nhân dân và Mặt trận tổ quốc quận, huyện, xã, phường, thị trấn.

Gửi trực tiếp đến từng hộ khoán (có ký nhận) hoặc gửi bưu điện theo hình thức gửi đảm bảo thông báo về doanh thu và mức thuế dự kiến của hộ khoán đó và Bảng công khai 200 hộ khoán cùng địa bàn. Trường hợp CQT đã thực hiện công khai Bảng công khai 200 hộ cùng địa trên Công thông tin điện tử của CQT thì không phải gửi Bảng công khai 200 hộ cùng địa bàn đến từng hộ khoán.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

8. Quản lý thuế đối với HKD, CNK theo TT40

8.3.6. Tham vấn ý kiến HĐTVT

CCT tổ chức họp tham vấn ý kiến HDDTVT trong thời gian từ ngày 01/01 đến ngày 10/01. Việc tham vấn ý kiến HĐTVT thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 80/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn chung về QLT.

8.3.7. Lập và duyệt sổ bộ thuế

- CCT căn cứ tài liệu xác định doanh thu và mức thuế khoán theo quy định và văn bản chỉ đạo của cấp trên (nếu có) để lập và duyệt Sổ bộ thuế đầu năm trước ngày 15/01;
- Hằng tháng, căn cứ tình hình biến động của hộ khoán để lập và duyệt Sổ bộ điều chỉnh, bổ sung và ban hành thông báo điều chỉnh thuế khoán theo quy định.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

8. Quản lý thuế đối với HKD, CNK theo TT40

8.3.8. Gửi thông báo thuế

● Đối với hộ khoán ổn định từ đầu năm:

- + CCT gửi thông báo mẫu 01/TB-CNKD và Bảng công khai 200 hộ mẫu 01/CKTT-CNKD đến từng hộ khoán (bao gồm cả hộ không phải nộp thuế) chậm nhất là ngày 20/01.
- + Thông báo và Bảng công khai được gửi trực tiếp (có ký nhận) hoặc gửi qua bưu điện theo hình thức gửi đảm bảo. Trường hợp CQT đã thực hiện công khai Bảng công khai 200 hộ cùng địa trên Công thông tin điện tử của CQT thì không phải gửi Bảng công khai 200 hộ cùng địa bàn đến từng hộ khoán.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

8. Quản lý thuế đối với HKD, CNK theo TT40

8.3.8. Gửi thông báo thuế

- Đối với hộ khoán có điều chỉnh trong năm:

Thông báo điều chỉnh mức thuế khoán thì thời hạn chậm nhất là ngày 20 của tháng tiếp theo thay có thay đổi. Thông báo được gửi trực tiếp (có ký nhận) hoặc gửi qua bưu điện theo hình thức gửi đảm bảo.

- Đối với hộ khoán mới ra kinh doanh:

Thông báo được gửi chậm nhất là ngày 20 của tháng tiếp theo tháng ra kinh doanh. Thông báo được gửi trực tiếp (có ký nhận) hoặc gửi qua bưu điện theo hình thức gửi đảm bảo.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

8. Quản lý thuế đối với HKD, CNK theo TT40

8.3.9. Thời hạn nộp thuế của hộ khoán

- Thời hạn nộp thuế khoán theo thông báo của CQT: Từ năm 2022 theo mẫu thông báo ban hành tại ND 126 thì thời hạn nộp thuế là theo tháng. Đối với năm 2021 đang áp dụng mẫu thông báo theo TT 92 thì thời hạn nộp thuế là theo quý.
- Đối với hộ khoán sử dụng hóa đơn đơn do cơ quan thuế cấp theo từng lần phát sinh thì thời hạn nộp thuế theo thời hạn khai thuế từng lần phát sinh.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

9. Trách nhiệm của cơ quan thuế

9.1. Trách nhiệm của Tổng cục Thuế

- Xây dựng bộ tiêu chí rủi ro đối với HKD, CNKD.
- Hướng dẫn quy trình cập nhật CSDL về HKD, CNKD tại CT và CCT.
- Chỉ đạo kiểm tra, đôn đốc CQT, NNT trong việc thực hiện CST, QLT đối với HKD, CNKD.
- Tổ chức thực hiện HĐĐT có mã của CQT đối với HKD, CNKD theo lộ trình. Phối hợp với UBND tỉnh/thành phố để triển khai đề án HĐĐT được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu đến CQT. Xây dựng CSDL về HĐĐT có mã của cơ quan thuế để phục vụ cho công tác quản lý rủi ro đối với HKD, CNKD.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

9. Trách nhiệm của cơ quan thuế

9.2. Trách nhiệm của Cục thuế

- Chỉ đạo, hướng dẫn và đôn đốc CCT trong việc quản lý thuế đối với HKD, CNKD.
- Chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm soát việc xây dựng CSDL riêng tại từng CCT để làm căn cứ xác định DT và mức thuế của HKD, CNKD nộp thuế khoán tại từng địa bàn.
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra CCT, NNT trong việc thực hiện CST và QLT đối với HKD, CNKD.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

9. Trách nhiệm của cơ quan thuế

9.2. Trách nhiệm của Cục thuế

- Triển khai và báo cáo TCT kết quả thực hiện kế hoạch kiểm tra CCT, NNT. Việc triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra cụ thể như sau:
 - Cục Thuế có trách nhiệm kiểm tra thực tế hằng năm tối thiểu 10% số CCT đối với việc xác định DT mức thuế khoán dự kiến. Kết quả kiểm tra của Cục Thuế là một trong những cơ sở để Chi cục Thuế lập và duyệt Sổ bộ thuế hộ khoán.
 - Trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ thu, CT kiểm tra thực tế tối thiểu 5% số CCT mỗi quý I, quý II, quý III. Kết quả kiểm tra là căn cứ xây dựng DT và mức thuế khoán dự kiến, mức thuế khoán dự kiến cho năm sau và điều chỉnh doanh thu khoán, mức thuế khoán cho thời gian còn lại của năm tính thuế.
 - Nội dung kiểm tra thực tế của CT gồm: kiểm tra trên CSDL quản lý; đối chiếu số liệu ĐKKD, ĐKT; kiểm tra thực tế đối với ít nhất 2% số HKD, CNKD và tổ chức có liên quan trên địa bàn trong đó tập trung kiểm tra 100% HKD, CNKD thuộc đối tượng quản lý rủi ro cao theo quy định.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

9. Trách nhiệm của cơ quan thuế

9.2. Trách nhiệm của Cục thuế

- Thực hiện phê duyệt và công khai thông tin hộ khoán trên Trang thông tin điện tử của cơ quan thuế.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

9. Trách nhiệm của cơ quan thuế

9.3. Trách nhiệm của Chi cục Thuế

CCT ngoài việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ thu thường xuyên còn có trách nhiệm trong công tác quản lý HKD, CNKD như sau:

- Tuyên truyền, hỗ trợ HKD, CNKD thực hiện khai thuế, nộp hồ sơ khai thuế, nộp thuế và tra cứu thông tin công khai về HKD, CNKD.
- Thực hiện trình tự xác định DT, mức thuế HKD, CNKD nộp thuế khoán.
- Thực hiện kiểm tra định kỳ, theo kế hoạch tại trụ sở CQT trên cơ sở dữ liệu đối với \HKD, CNKD và tổ chức có liên quan. Đối với những trường hợp rủi ro cao, có dấu hiệu vi phạm thì thực hiện việc kiểm tra tại trụ sở của NNT.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

9. Trách nhiệm của cơ quan thuế

9.3. Trách nhiệm của Chi cục Thuế

- Xây dựng CSDL riêng tại từng CCT về quản lý thuế đối với HKD, CNKD và định kỳ đến ngày 01 tháng 11 hằng năm phải chốt xong CSDL để làm căn cứ cho việc lập sổ bộ thuế khoán của năm tiếp theo.
- Báo cáo chủ tịch UBND chỉ đạo các cơ quan, ban ngành tại địa phương phối hợp với cơ quan thuế trong việc quản lý thuế đối với HKD, CNKD.
- Phối hợp với CQT tại địa bàn khác trong công tác kiểm tra, kiểm soát, đối chiếu, cung cấp thông tin về HKD, CNKD.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

10. Tổ chức thực hiện

- Thông tư 40 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2021.
- Trường hợp cá nhân có phát sinh hợp đồng cho thuê TS trong nhiều năm và đã khai thuế, nộp thuế theo quy định trước đây thì không điều chỉnh lại.
- Việc thông báo thời hạn nộp thuế khoán của năm 2021 thực hiện theo các quy định trước thời điểm hiệu lực của Thông tư này đến hết kỳ tính thuế năm 2021.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

10. Tổ chức thực hiện

- HKD, CNKD đáp ứng điều kiện nộp thuế theo KK nếu CQT đã quản lý thuế theo phương pháp khoán trước thời điểm hiệu lực của Thông tư này và không có yêu cầu chuyển đổi phương pháp tính thuế thì tiếp tục nộp thuế theo phương pháp khoán đến hết kỳ tính thuế năm 2021.
- Tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho hộ khoán theo quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 7 Nghị định số 126 thực hiện khai thuế thay, nộp thuế thay cho hộ khoán theo hướng dẫn tại Thông tư này kể từ thời điểm hiệu lực của Thông tư.
- Bãi bỏ Chương I và Chương II Thông tư số 92.

Phần I. Chính sách thuế, quản lý thuế đối với HKD, CNKD theo TT 40

11. Biểu thuế

12. Danh mục mẫu biểu

Phần II. LỆ PHÍ MÔN BÀI

1. Căn cứ pháp lý:

- NĐ 22/2020/NĐ-CP
- TT 65/2020/TT-BTC

2. HKD được miễn LPMB bao gồm:

- HKD có doanh thu từ 100 triệu đồng/năm trở xuống;
- HKD không thường xuyên và không có địa điểm kinh doanh cố định;
- HKD mới ra kinh doanh lần đầu được miễn LPMB trong năm đầu hoạt động.

Phần II. LỆ PHÍ MÔN BÀI

3. Mức thu LPMB đối với HKD như sau:

- Doanh thu trên 500 triệu đồng/năm: 1.000.000 đồng/năm.
- Doanh thu trên 300 đến 500 triệu đồng/năm: 500.000 đồng/năm.
- Doanh thu trên 100 đến 300 triệu đồng/năm: 300.000 đồng/năm.

Phần II. LỆ PHÍ MÔN BÀI

4. Căn cứ để xác định mức LPMB:

- HKD (bao gồm hộ khoán, hộ kê khai và cá nhân cho thuê tài sản) không phải nộp hồ sơ khai LPMB, CQT căn cứ hồ sơ khai thuế, CSDL quản lý thuế để xác định tổng doanh thu năm 2021 từ các nguồn, các địa điểm kinh doanh làm căn cứ tính số tiền LPMB phải nộp của năm 2022 và thông báo cho người nộp thuế.
- Riêng hoạt động cho thuê TS doanh thu làm căn cứ xác định mức LPMB phải nộp của năm 2022 là tổng doanh thu từ các hợp đồng cho thuê tài sản của năm 2022.
- Đối với HKD mới ra kinh doanh (bao gồm hộ đã giải thể, tạm ngừng kinh doanh sau đó ra kinh doanh trở lại) không xác định được doanh thu của năm liền trước thì doanh thu làm cơ sở xác định mức thu LPMB căn cứ theo cơ sở SXKD cùng quy mô, địa bàn, ngành nghề.

Phần II. LỆ PHÍ MÔN BÀI

5. Thời hạn nộp LPMB:

- Đối với hộ ổn định thì thời hạn nộp LPMB chậm nhất là ngày 30/01/2022, thời hạn gửi Thông báo của CQT chậm nhất là ngày 20/01/2022;
- Đối với hộ mới ra kinh doanh thì thời hạn nộp LPMB chậm nhất là ngày 30/07/2022 (nếu ra kinh doanh trong 06 tháng đầu năm) hoặc chậm nhất là 30/01/2023 (nếu ra kinh doanh trong 06 tháng cuối năm), thời hạn gửi Thông báo của CQT chậm nhất là ngày 20 của tháng tiếp theo tháng bắt đầu hoạt động kinh doanh.

Phần III. Miễn thuế theo Nghị quyết 406 đối với HKD, CNKD

1. Đối tượng áp dụng:

a) Tại khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19 tháng 10 năm 2021 của UBTVQH về ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch covid-19 quy định:

- Miễn thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác phải nộp phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tháng trong quý III và quý IV năm 2021 đối với hộ, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh tại các địa bàn cấp huyện chịu tác động của dịch COVID-19 trong năm 2021 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định.
- Không áp dụng việc miễn thuế đối với các khoản thu nhập, doanh thu từ cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm; sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số; quảng cáo số."

Phần III. Miễn thuế theo Nghị quyết 406 đối với HKD, CNKD

1. Đối tượng áp dụng:

b) Tại Điều 2 Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết 406 quy định:

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh là cá nhân cư trú hoạt động trong mọi ngành nghề, hình thức khai thuế, nộp thuế, có hoạt động sản xuất kinh doanh tại các địa bàn huyện, thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là địa bàn cấp huyện) chịu tác động của dịch Covid-19 trong năm 2021.

Phần III. Miễn thuế theo Nghị quyết 406 đối với HKD, CNKD

1. Đối tượng áp dụng:

b) Tại Điều 2 Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết 406 quy định:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ Thông báo trong năm 2021 của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương liên quan đến dịch Covid-19, trong đó có nội dung dừng hoặc ngừng hoặc tạm ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh đối với một hoặc nhiều hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn (bao gồm cả việc phong tỏa, cách ly xã hội một hoặc nhiều khu vực trên địa bàn) để ban hành Danh sách các địa bàn cấp huyện chịu tác động của dịch Covid-19 quy định tại khoản này.

Phần III. Miễn thuế theo Nghị quyết 406 đối với HKD, CNKD

2. Miễn thuế phải nộp

a) HKD, CNKD được miễn thuế TNCN, GTGT, TTĐB, TN, BVMT, phải nộp phát sinh từ hoạt động SXKD các tháng trong quý III và quý IV năm 2021. Không áp dụng miễn thuế đối với thu nhập, doanh thu từ cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm; sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số; quảng cáo số.

b) Trường hợp đã nộp thuế thì được xử lý bù trừ với các khoản nợ hoặc khoản phát sinh của các kỳ tiếp theo và xử lý hoàn nộp thừa (nếu có) theo quy định.

Phần III. Miễn thuế theo Nghị quyết 406 đối với HKD, CNKD

3. Căn cứ xác định số thuế được miễn

- a) Đối với trường hợp CQT phải ra Thông báo nộp tiền: CQT căn cứ số thuế phải nộp của các tháng trong quý III, quý IV năm 2021 để xác định số thuế được miễn.
- b) Đối với trường hợp CQT không phải ra Thông báo nộp tiền:
 - NNT (bao gồm cả tổ chức, cá nhân khấu trừ, khai thay, nộp thay cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; hộ kinh doanh sử dụng hóa đơn quyền/lẻ) căn cứ số thuế phải nộp theo Tờ khai thuế để xác định số thuế được miễn.

Phần III. Miễn thuế theo Nghị quyết 406 đối với HKD, CNKD

3. Căn cứ xác định số thuế được miễn

- Trường hợp thuộc diện khai thuế theo kỳ thanh toán hoặc khai thuế theo năm (cho thuê tài sản, xây dựng nhà tư nhân, khai từng lần phát sinh khác) thì số thuế được miễn là số thuế phải nộp tương ứng với doanh thu thực tế phát sinh của các tháng trong quý III, quý IV năm 2021.
- Trường hợp trên hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ không xác định được doanh thu thực tế phát sinh của các tháng trong quý III, quý IV năm 2021 thì xác định theo doanh thu bình quân tháng theo giá trị hợp đồng.
- Trường hợp hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ của HKD, CNKD ký trong tháng thì thời gian của hợp đồng được tính đủ tháng.

Phần III. Miễn thuế theo Nghị quyết 406 đối với HKD, CNKD

4. Trình tự, thủ tục thực hiện

a) Đối với trường hợp cơ quan thuế phải ra Thông báo nộp tiền

- CQT lập danh sách HKD, CNKD thuộc diện quản lý tại địa bàn để xác định đối tượng được miễn thuế theo Mẫu số 01-1/DS-MTHK Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.
- CQT căn cứ số thuế phải nộp của từng HKD, CNKD theo Thông báo nộp tiền trên cơ sở dữ liệu của CQT để xác định số thuế được miễn.
- CCT CCT/CCTKV ban hành 01 QĐ miễn thuế kèm theo danh sách toàn bộ HKD, CNKD được miễn thuế theo Mẫu số 01/MTHK Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Sau thời điểm cơ quan thuế ra quyết định miễn thuế theo Nghị quyết số 406 cho toàn bộ HKD, CNKD, nếu có phát sinh HKD, CNKD mới thì cuối tháng CQT lập danh sách để ra Quyết định miễn thuế cho các HKD, CNKD.
- CQT ban hành Thông báo miễn thuế theo Nghị quyết số 406 sau khi ban hành Quyết định miễn thuế gửi đến từng HKD, CNKD theo Mẫu số 01/TBSMT-CNKD Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

Phần III. Miễn thuế theo Nghị quyết 406 đối với HKD, CNKD

4. Trình tự, thủ tục thực hiện

b) Đối với trường hợp cơ quan thuế không phải ra Thông báo nộp tiền

HKD, CNKD; tổ chức, cá nhân khấu trừ, khai thay, nộp thay cho HKD, CNKD; HKD sử dụng hóa đơn quyền/lẻ tự xác định số thuế phải nộp sau khi miễn thuế để khai trên Tờ khai thuế, đồng thời lập bản xác định số thuế được miễn theo Mẫu số 01-1/PL-CNKD Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này để nộp kèm theo Tờ khai thuế.

Phần IV. Triển khai hóa đơn điện tử với HKD

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14
- Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ
- Thông tư số 78/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính

Phần IV. Triển khai hóa đơn điện tử với HKD

2. Những nội dung chính về chính sách hoá đơn điện tử đối với HKD, CNKD

HKD, CNKD sử dụng hoá đơn điện tử có mã của cơ quan thuế (bao gồm cả trường hợp sử dụng hoá đơn do cơ quan thuế cấp theo từng lần phát sinh), trừ trường hợp HKD, CNKD tại địa bàn có điều kiện khó khăn, đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ nếu không đáp ứng điều kiện về hạ tầng CNTT thì được sử dụng hoá đơn giấy tối đa trong 12 tháng. Thời gian tối đa 12 tháng được tính một lần: kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2022 (đối với HKD đang hoạt động trước 01/7/2022); kể từ khi mới thành lập (đối với HKD mới thành lập sau 01/7/2022)

Phần IV. Triển khai hóa đơn điện tử với HKD

2. Những nội dung chính về chính sách hoá đơn điện tử đối với HKD, CNKD

HKD, CNKD nộp thuế theo phương pháp kê khai có hoạt động cung cấp hàng hoá, dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng theo mô hình kinh doanh (trung tâm thương mại; siêu thị; bán lẻ hàng tiêu dùng; ăn uống; nhà hàng; khách sạn; bán lẻ thuốc tân dược; dịch vụ vui chơi, giải trí và các dịch vụ khác) được lựa chọn sử dụng HĐĐT có mã của cơ quan thuế được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế.

HKD, CNKD tại địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ (NĐ 31/2021/NĐ-CP) được miễn phí trong 12 tháng kể từ khi bắt đầu sử dụng HĐĐT.

Phần IV. Triển khai hóa đơn điện tử với HKD

2. Những nội dung chính về chính sách hoá đơn điện tử đối với HKD, CNKD

Phương thức sử dụng HĐĐT:

- Thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ HĐĐT, có trả phí.
- Trực tiếp trên Cổng điện tử của Tổng cục Thuế, không phải trả phí đối với các trường sau:
- Đối tượng tại địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn được miễn phí trong 12 tháng.
- Đối tượng sử dụng hoá đơn cấp theo từng lần phát sinh, bao gồm: hộ khoán sử dụng hoá đơn lẻ; HKK ngừng, tạm ngừng KD hoặc bị cưỡng chế nợ thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hoá đơn nhưng cần hoá đơn giao cho khách hàng; hộ nộp thuế theo từng lần phát sinh.

Phần IV. Triển khai hóa đơn điện tử với HKD

2. Những nội dung chính về chính sách hoá đơn điện tử đối với HKD, CNKD

Hiệu lực:

- Bắt buộc từ 01/7/2022.
- Trước 01/7/2022 khuyến khích các trường hợp đáp ứng điều kiện thì có thể sử dụng HĐĐT.
- Trước 01/7/2022 cho đến 30/6/2022 nếu CQT thông báo NNT phải áp dụng HĐĐT do đã đáp ứng điều kiện về đối tượng (hộ lớn, hộ sử dụng hoá đơn quyền), nhưng NNT không áp dụng HĐĐT thì phải lập Bảng kê hoá đơn đầu ra mẫu 03/DL-HĐĐT gửi kèm theo Tờ khai thuế.

Phần IV. Triển khai hóa đơn điện tử với HKD

3. Lộ trình triển khai

Đối với Giai đoạn 1: từ 10/11/2021 tại 06 tỉnh, thành phố: HN, HCM, PT, BD, HP, QN.
Cụ thể:

- Từ 10/11/2021 đến 31/12/2021 chỉ triển khai HĐĐT cấp theo từng lần phát sinh tại CQT.
- Từ 01/01/2022 đến 31/3/2022 triển khai HĐĐT đối với toàn bộ HKD, CNKD tại 06 tỉnh, thành phố
- Các tỉnh, thành phố còn lại chưa triển khai HĐĐT đối với HKD, vẫn sử dụng hoá đơn giấy.

Phần IV. Triển khai hóa đơn điện tử với HKD

3. Lộ trình triển khai

Đối với Giai đoạn 2: từ 01/4/2022 tiếp tục triển khai 06 tỉnh, thành phố tại GD1 và mở rộng cho 57 tỉnh, thành phố còn lại đối với toàn bộ HKD, CNKD (bao gồm cả hoá đơn từng lần phát sinh và hoá đơn thường xuyên).

Phần IV. Triển khai hóa đơn điện tử với HKD

4. Biện pháp triển khai đối với từng đối tượng

a) Đối với HKD nộp thuế theo phương pháp kê khai

Phương pháp quản lý thuế đối với HKD nộp thuế theo phương pháp kê khai sẽ thực hiện triển khai từ 01/01/2022 (*do Thông tư số 88/2021/TT-BTC ngày 11/10/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho các HKD, CNKD có hiệu lực từ ngày 01/01/2022*), do đó, việc triển khai HĐĐT đối với HKD nộp thuế theo phương pháp kê khai cũng sẽ được thực hiện từ 01/01/2022.

Phần IV. Triển khai hóa đơn điện tử với HKD

4. Biện pháp triển khai đối với từng đối tượng

a) Đối với HKD nộp thuế theo phương pháp kê khai

Căn cứ danh sách HKD nộp thuế theo phương pháp kê khai theo quy định (HKD quy mô lớn hoặc HKD đang sử dụng hoá đơn quyền của cơ quan thuế), cơ quan thuế quản lý thông báo đến từng HKD, trong đó có nội dung thông báo về việc HKD chuẩn bị điều kiện về cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin thực hiện việc lập, chuyển dữ liệu HĐĐT đến cơ quan thuế, gửi HĐĐT cho người mua và các nội dung khác về quản lý, sử dụng HĐĐT.

Phần IV. Triển khai hóa đơn điện tử với HKD

4. Biện pháp triển khai đối với từng đối tượng

a) Đối với HKD nộp thuế theo phương pháp kê khai

Trường hợp HKD chưa đáp ứng ngay điều kiện để chuyển sang sử dụng HĐĐT theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP thì HKD phản hồi về cơ quan thuế về việc tiếp tục sử dụng hoá đơn theo các quy định trước đây (Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn) và gửi Tờ khai dữ liệu hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra Mẫu số 03/DL-HĐĐT ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP kể từ kỳ khai thuế GTGT tiếp theo thời điểm nhận thông báo của cơ quan thuế cho đến hết ngày 30/6/2022.

Phần IV. Triển khai hóa đơn điện tử với HKD

4. Biện pháp triển khai đối với từng đối tượng

a) Đối với HKD nộp thuế theo phương pháp kê khai

Căn cứ danh sách đã lập, cơ quan thuế quản lý xây dựng lộ trình triển khai tiếp nhận, xử lý thông tin đăng ký sử dụng HĐĐT theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và Thông tư số 78/2021/TT-BTC, đảm bảo đến hết ngày 31/3/2021 (đối với các Cục Thuế triển khai GĐ1) hoặc đến hết ngày 30/6/2022 (đối với các Cục Thuế triển khai GĐ2) phải hoàn thành tối thiểu 70% và phấn đấu 100% số lượng HKD, CNKD thuộc đối tượng áp dụng HĐĐT theo quy định.

Phần IV. Triển khai hóa đơn điện tử với HKD

4. Biện pháp triển khai đối với từng đối tượng

b) Đối với Hộ khoán

Căn cứ danh sách hộ khoán, cơ quan thuế quản lý thực hiện việc cung cấp thông tin về áp dụng HĐĐT (*Tờ rơi theo nội dung hướng dẫn của Tổng cục Thuế, trong đó có nội dung thông báo về việc HKD chuẩn bị điều kiện về cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin thực hiện việc lập, chuyển dữ liệu HĐĐT đến cơ quan thuế, gửi HĐĐT cho người mua và các nội dung khác về quản lý, sử dụng HĐĐT*) kèm theo Tờ khai thuế của năm 2022 được phát đến từng HKD từ ngày 20/11/2021 đến 05/12/2021 theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 13 Thông tư số 40/2021/TT-BTC.

Phần IV. Triển khai hóa đơn điện tử với HKD

4. Biện pháp triển khai đối với từng đối tượng

b) Đối với Hộ khoán

Trường hợp hộ khoán có yêu cầu sử dụng HĐĐT thì cơ quan thuế quản lý hướng dẫn chuyển đổi sang hình thức HKD nộp thuế theo phương pháp kê khai và thực hiện đăng ký sử dụng HĐĐT theo quy định và không phải nộp lại tờ khai thuế khoán cho năm 2022.

Phần IV. Triển khai hóa đơn điện tử với HKD

4. Biện pháp triển khai đối với từng đối tượng

b) Đối với Hộ khoán

Trường hợp hộ khoán chỉ sử dụng HÐĐT theo từng lần phát sinh thì cơ quan thuế quản lý hướng dẫn HKD nộp tờ khai thuế khoán cho năm 2022 theo quy định đối với hộ khoán và khi phát sinh bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ cần hoá đơn giao cho khách hàng thì thực hiện thủ tục đề nghị cấp HÐĐT theo từng lần phát sinh theo hướng tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

Phần IV. Triển khai hóa đơn điện tử với HKD

4. Biện pháp triển khai đối với từng đối tượng

c) Đối với HKD, CNKD khác sử dụng HĐĐT theo từng lần phát sinh

HKD, CNKD khác sử dụng HĐĐT theo từng lần phát sinh bao gồm: CNKD không thường xuyên nộp thuế theo từng lần phát sinh; HKD nộp thuế theo phương pháp kê khai ngừng, tạm ngừng hoạt động kinh doanh hoặc bị cơ quan thuế cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hoá đơn. HKD, CNKD khi phát sinh bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ cần hoá đơn giao cho khách hàng thì thực hiện thủ tục đề nghị cấp HĐĐT theo từng lần phát sinh theo hướng tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

Phần IV. Triển khai hóa đơn điện tử với HKD

4. Biện pháp triển khai đối với từng đối tượng

c) Đối với HKD, CNKD khác sử dụng HĐĐT theo từng lần phát sinh

Để đáp ứng việc cấp HĐĐT có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh từ tháng 11/2021 (đối với GD1) theo đúng Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính và từ tháng 4/2022 (đối với GD2), Cục Thuế cần chỉ đạo các cơ quan thuế quản lý tại địa bàn thực hiện kịp thời các hướng dẫn về triển khai Hệ thống HĐĐT theo hướng dẫn của Tổng cục Thuế.

Phần IV. Triển khai hóa đơn điện tử với HKD

4. Biện pháp triển khai đối với từng đối tượng

d) Đối với HKD, CNKD áp dụng HĐĐT được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế

Về việc xây dựng Đề án:

Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rà soát, phân tích đối tượng, địa bàn, chủ trì trao đổi thống nhất với UBND quận/huyện, báo cáo UBND tỉnh/thành phố về chủ trương cũng như phân công chỉ đạo các Sở, ban ngành địa phương phối hợp với cơ quan thuế xây dựng Đề án triển khai kết nối thông tin từ máy tính tiền để quản lý doanh thu bán lẻ của các hộ, cá nhân kinh doanh. Việc xây dựng Đề án phải hoàn thành chậm nhất trong tháng 11/2021, trên cơ sở đó báo cáo Bộ Tài chính thống nhất với UBND phạm vi, quy mô thí điểm triển khai trước 15/12 để thực hiện từ 01/01/2022.

Phần IV. Triển khai hóa đơn điện tử với HKD

4. Biện pháp triển khai đối với từng đối tượng

d) Đối với HKD, CNKD áp dụng HĐĐT được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế

Đề án được xây dựng với một số nội dung chính như sau:

- Mục đích, yêu cầu thực hiện Đề án;
- Phạm vi thực hiện Đề án, theo đó phải xác định rõ tiêu chí xác định đối tượng, địa bàn triển khai;
- Giải pháp quản lý và khuyến khích áp dụng HĐĐT có mã được khởi tạo từ máy tính tiền (quay số mở thưởng theo số hoá đơn, nguồn kinh phí,...);
- Lộ trình và tiến độ triển khai Đề án.

Phần IV. Triển khai hóa đơn điện tử với HKD

4. Biện pháp triển khai đối với từng đối tượng

d) Đối với HKD, CNKD áp dụng HĐĐT được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế

Trong thời gian chưa triển khai Đề án, cơ quan thuế hướng dẫn HKD, CNKD đăng ký và sử dụng HĐĐT có mã của cơ quan thuế theo quy định, cơ quan thuế sẽ hỗ trợ thực hiện chuyển đổi sang HĐĐT được khởi tạo từ máy tính tiền theo lộ trình của Tổng cục Thuế dự kiến áp dụng từ 01/7/2022.

Trên đây là hướng dẫn của Tổng cục Thuế về việc triển khai hoá đơn điện tử đối với hộ kinh doanh tại 06 tỉnh, thành phố. Trong quá trình triển khai nếu có vướng mắc, đề nghị Cục Thuế phản ánh kịp thời về Tổng cục Thuế để được hướng dẫn xử lý./.

